

VỀ Ý TƯỞNG XÂY DỰNG TAM GIÁC CHIẾN LƯỢC NGA-TRUNG-ẤN

Đỗ Trọng Quang

Viện Thông tin khoa học xã hội

Sau các trận không kích của Mỹ ở Irắc năm 1998 và của NATO tại Nam Tư cũ năm 1999, chủ nghĩa đơn phương Hoa Kỳ đã bộc lộ rõ. Xu hướng đó hiện giờ càng được tăng cường khi chiến lược đánh phủ đầu được nhấn mạnh, và thậm chí ý kiến của các đồng minh thân cận nhất cũng không được tôn trọng. Hành động đơn phương của Hoa Kỳ được thực hiện trong bối cảnh quốc tế ngày nay, khi sức mạnh của Mỹ vượt trội hẳn các quốc gia khác. Sau cuộc chiến tranh Apganixtan, nhà phân tích chính trị Paul Kennedy¹ nói rằng, chưa bao giờ trong lịch sử có sự chênh lệch sức mạnh như hiện nay giữa Hoa Kỳ với các nước lớn khác, gây nên những phản ứng khác nhau của nhiều quốc gia. Trong khi Đức và Pháp sử dụng thể chế quốc tế và biện pháp ngoại giao để kiềm chế sức mạnh áp đảo của Mỹ, thì Nga và Trung Quốc tìm cách thiết lập quan hệ mật thiết với những nước cùng chung quan điểm về một trật tự thế giới “đa cực”.

Trong chuyến thăm Ấn Độ năm 1998, Thủ tướng Nga Yevgeny Primakov đề xuất ý

kiến xây dựng một “tam giác chiến lược” Moskva-Bắc Kinh-New Delhi. Ông nói rằng sự kết hợp như vậy sẽ là một sức mạnh bảo đảm ổn định cho khu vực và thế giới. Ý kiến này không được Ấn Độ và Trung Quốc nhiệt tình hoan nghênh như Nga hy vọng, tuy cả ba nước đều nỗ lực cải thiện các quan hệ song phương. Nhưng tháng 9/2002, ý tưởng xây dựng “tam giác chiến lược” đã được đề cập lúc các ngoại trưởng Nga, Trung Quốc, và Ấn Độ gặp nhau bên lề Đại hội đồng Liên hợp quốc tại New York. Trong một thế giới có nước Mỹ nổi lên thành siêu cường độc nhất, nhiều người nghĩ rằng các quốc gia lớn như Nga, Trung Quốc, và Ấn Độ nên phối hợp hoạt động để cân bằng với ảnh hưởng của nước đó.

Phương tiện thông tin đại chúng và chính giới ở Moskva, Bắc Kinh, và New Dehli nói nhiều đến “tam giác chiến lược” sau khi quan hệ giữa ba nước được đẩy mạnh mấy năm gần đây. Mặc dầu ý tưởng này không được đón nhận nồng nhiệt khi được Nga nêu lên lần đầu tiên năm 1998, nhưng nó tiếp tục là chủ đề thảo luận và phân tích sôi nổi trong các giới quốc tế. Một tài liệu

¹ Kennedy Paul, 2002. “*The Eagle has landed*”, The Financial Times, 2 February.

gần đây của Mỹ nhan đề “Xu hướng toàn cầu: 2015” cũng nêu khả năng Nga, Trung Quốc, và Ấn Độ thành lập một “liên minh địa-chiến lược trên thực tế” để làm đối trọng với ảnh hưởng của Mỹ trong tương lai gần. Tuy vậy, các nhà phân tích thời sự thế giới vẫn cân nhắc khả năng thực hiện ý tưởng đó cũng như những trở lực mà nó vấp phải.

1. Điều kiện thuận lợi để thực hiện ý tưởng “tam giác chiến lược”

Hoàn cảnh thuận lợi để hình thành “tam giác chiến lược” là cả ba nước đều nhận thấy nhiều điều kiện tăng cường quan hệ kinh tế, chính trị, quân sự, và văn hóa. Ba nước đều cố gắng nhiều trong mấy năm qua khi bầu không khí có chiều hướng tốt đẹp.

Quan hệ Nga-Trung

Liên bang Xô viết sụp đổ và Chiến tranh lạnh chấm dứt đã mở ra một chương mới trong quan hệ giữa Nga và Trung Quốc. Sau một thời gian ngắn ngập ngừng, Trung Quốc tỏ ý sẵn sàng cải thiện quan hệ với Nga, và ngược lại, Nga ủng hộ lập trường của Trung Quốc về vấn đề Đài Loan. Bang giao giữa hai bên có một động thái tích cực, hai nước cảm thông với chính sách đối ngoại của nhau khi quan hệ của họ với Mỹ xấu đi trong những năm 1990.

Lo ngại trước sự can thiệp của Hoa Kỳ vào công việc nội bộ của các quốc gia khác, Trung Quốc bày tỏ một lập trường cứng rắn khi sự can thiệp đó liên quan đến Đài Loan. Còn Nga thì ngại vực động cơ của Mỹ khi

NATO bành trướng tới sát biên giới nước mình. Bởi vậy, trong khi Bắc Kinh ủng hộ Moskva phản đối NATO phát triển về phía Đông, và công nhận vấn đề Chechnya là công việc nội bộ của Nga, thì Moskva thừa nhận Tây Tạng và Đài Loan là lãnh thổ Trung Quốc. Năm 1996 và 1997, hai nước ra tuyên bố chung, tỏ ý quan tâm đến việc thiết lập “một quan hệ đối tác chiến lược hướng tới thế kỷ 21”, kêu gọi xây dựng một thế giới đa cực và một trật tự quốc tế mới.

Nga và Trung Quốc nhất trí phản đối không quân Mỹ và Anh ném bom Iraq năm 1998, không quân NATO oanh tạc Nam Tư cũ năm 1999. Hai nước nhấn mạnh vai trò trung tâm của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc trong việc duy trì hòa bình và ổn định quốc tế. Nga và Trung Quốc cũng xem xét một thái độ cân thể hiện với đề nghị của Mỹ về một hệ thống phòng thủ tên lửa đạn đạo (BMD), mặc dầu sau đó Mỹ rút khỏi Hiệp ước chống Tên lửa Đạn đạo ký với Nga năm 1972.

Sự xích lại gần nhau giữa Nga và Trung Quốc sau khi Chiến tranh lạnh kết thúc, nhất là trong thời kỳ Tổng thống Boris Yeltsin cầm quyền, là kết quả sự thay đổi cán cân lực lượng trên chính trường thế giới. Người kế nghiệp Yeltsin là Tổng thống Vladimir Putin tập trung vào việc thiết lập và duy trì quan hệ với các nước lớn châu Á, qua đó giảm nhẹ sự vượt trội của Mỹ. Trong khi tiếp tục xây dựng quan hệ mật thiết với Trung Quốc, ông Putin chú trọng chống chủ nghĩa bá quyền,

chống mưu toan chà đạp nguyên lý cơ bản của luật pháp quốc tế và can thiệp vào nội bộ các quốc gia có chủ quyền. Ông thận trọng tránh xây dựng mối bang giao Nga-Trung thành một quan hệ đối đầu với một nước thứ ba.

Lĩnh vực mà Nga coi trọng là tăng cường quan hệ kinh tế song phương, đặc biệt chú ý đến trao đổi hàng hóa và dịch vụ cũng như hợp tác trong lĩnh vực năng lượng. Ưu tiên hợp tác thương mại và kinh tế vẫn là điểm chủ chốt của quan hệ đối tác chiến lược lâu dài, vì buôn bán giữa hai nước vẫn ở mức khá thấp. Nga chỉ chiếm 2% khối lượng mậu dịch Trung Quốc, và điều này có thể tác động tới xu hướng tương lai của quan hệ. Vì thế, hai nước bắt đầu thảo luận về đầu tư của Trung Quốc vào các trâm tích miền đông nước Nga. Doanh số chính thức giữa hai quốc gia đạt 12 tỉ đôla năm 2002. Trung Quốc ngày càng muốn nhập khẩu sản phẩm công nghiệp và dầu lửa của Nga, ủng hộ Nga gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO). Để đáp ứng nhu cầu năng lượng ở Trung Quốc, chính phủ Nga đồng ý xây dựng đường ống dẫn dầu với phí tổn 420 tỉ đôla từ Xibêri sang lãnh thổ Trung Quốc, xuất khẩu 6,8 triệu tấn dầu đến Trung Quốc bằng đường sắt năm 2006.

Tổ chức Hợp tác Thượng Hải (SCO), vốn đã phát triển thành diễn đàn thảo luận các vấn đề an ninh khu vực và kinh tế, trở nên quan trọng hơn sau sự kiện 11/9, khi xu hướng ly khai và chủ nghĩa Hồi giáo chính thống là mối lo ngại lớn đối với cả hai nước.

Ngoài ra, SCO còn là một phương tiện hạn chế ảnh hưởng của Mỹ trong khu vực. Nga và Trung Quốc cũng thành công trong việc sử dụng trận chiến chống khủng bố của Hoa Kỳ để đối phó với cuộc bạo loạn của các phần tử Hồi giáo cực đoan trên lãnh thổ nước mình.

Sự hợp tác Nga-Trung trong lĩnh vực quốc phòng và công nghệ quân sự đóng vai trò trung tâm trong toàn bộ quan hệ giữa hai nước, bao gồm việc Trung Quốc mua vũ khí của Nga cũng như cùng nhau nghiên cứu và sản xuất thiết bị quân sự, kể cả công nghệ tương đối mới để chế tạo tên lửa đạn đạo xuyên đại châu. Trung Quốc trở thành nước mua nhiều thiết bị quân sự nhất.

Bắc Kinh và Moskva vạch chiến lược chung để góp phần giải quyết vấn đề an ninh toàn cầu, gần đây nhất là cuộc va chạm Iran, Irắc, và Bắc Triều Tiên; chế độ kiểm soát vũ khí và cấm phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt. Hai nước kêu gọi thiết lập một trật tự thế giới đa cực công bằng, dựa trên nguyên lý cơ bản của luật pháp quốc tế; nhấn mạnh vai trò trung tâm của Liên hợp quốc trong việc giải quyết tranh chấp quốc tế, tỏ ý bất bình về khuynh hướng hành động đơn phương của Mỹ. Tuy chưa rõ hai nước có thể kiểm chế Hoa Kỳ đến mức nào, nhưng rõ ràng quan hệ Nga-Trung ngày nay tích cực và xây dựng hơn ở thời kỳ liên minh Xô-Trung những năm 1950.

Bang giao Nga-Ấn

Nga và Ấn Độ tiếp tục giữ quan hệ ổn định và mật thiết truyền thống, trừ thời kỳ Tổng thống Boris Yeltsin cầm quyền, mặc

dầu nhiều thay đổi lớn diễn ra trong môi trường quốc tế sau Chiến tranh lạnh. Trái với tình hình bang giao thất thường lúc ông Yeltsin làm Tổng thống, quan hệ Nga-Trung đã được củng cố vững chắc, thể hiện ở năm cuộc họp thượng đỉnh giữa những người đứng đầu chính phủ trong mấy năm qua. Trong khi duy trì quan hệ với Mỹ và Tây Âu, ông Putin tăng cường bang giao với các nước lớn ở châu Á như Trung Quốc, Nhật Bản, và Ấn Độ.

Trong môi trường toàn cầu sau vụ khủng bố 11/9, lúc chính trường quốc tế không ổn định, cả Nga và Ấn Độ đều tìm cách xác định mối liên hệ với các nước khác. Quan hệ lâu đời giữa hai nước được khẳng định có tầm quan trọng thật sự, chứ không phải chỉ có tính chất tượng trưng. Trong chuyến thăm Ấn Độ của Tổng thống Putin tháng 12/2002, Ấn Độ đồng ý tăng cường quan hệ đối tác chiến lược với Nga, và đáp lại, Nga ủng hộ lập trường của Ấn Độ về Pakixtan. Việc Nga ủng hộ lập trường của Ấn Độ đối với chủ nghĩa khủng bố và Pakixtan thể hiện ý muốn duy trì thiện chí truyền thống trong bang giao, tỏ rõ sự nhạy cảm với nỗi lo lắng của Ấn Độ về an ninh. Hai bên có quan điểm tương đồng về việc thúc đẩy xu hướng đa cực trong nền chính trị toàn cầu.

Mặt đáng lưu ý của quan hệ Nga-Ấn hiện nay là việc nâng cấp quan hệ kinh tế và thương mại, một quan hệ chưa tương xứng với tiềm năng hai nước, vì thương mại giữa hai bên đã suy giảm trong bốn năm qua. Để

giải quyết vấn đề này, Ấn Độ quyết định chi khoảng 100 triệu đôla để hỗ trợ sự hợp tác về công nghệ thông tin và công nghệ sinh học, trong khi Nga tranh thủ các nhà đầu tư Ấn Độ, đồng ý sử dụng khoản nợ mà Ấn Độ chưa thanh toán để chi cho các dự án liên doanh về viễn thông và công nghệ thông tin.

Yếu tố quan trọng nhất của bang giao Nga-Ấn là quan hệ quốc phòng. Chẳng những Nga là nước cung cấp sản phẩm quốc phòng lớn nhất cho Ấn Độ, mà sự hợp tác quân sự giữa hai nước còn bao gồm một phạm vi rộng rãi, kể cả cộng tác nghiên cứu, thiết kế, phát triển và sản xuất. Nga đồng ý hợp tác chế tạo những vũ khí tối tân mà Hoa Kỳ cùng các nước phương Tây khác ngần ngại giúp Ấn Độ sản xuất, không kể thỏa thuận sử dụng không gian và năng lượng nguyên tử vào mục đích hòa bình cũng như cung cấp máy bay chiến đấu tối tân thuộc thế hệ thứ năm.

Các công ty quốc phòng hai nước chẳng những thiết kế và chế tạo mà còn cùng nhau tiếp thị ở các nước khác để bán tên lửa Brahmos chống tàu chiến. Nga đề nghị Ấn Độ cộng tác sản xuất máy bay huấn luyện tiên tiến thế hệ mới để bán trên thị trường toàn cầu, hải quân hai nước bắt đầu tập trận chung hàng năm ở Ấn Độ dương để tăng cường an ninh trong khu vực. Nếu hai bên thực hiện hợp đồng trị giá 450 triệu đôla để cung cấp hệ thống phóng rocket "Smerch" cho quân đội Ấn Độ, thì đây là chuyến cung cấp vũ khí Nga lớn nhất kể từ khi ký hợp

đồng trị giá 400 triệu đôla để bán và sản xuất xe tăng 310 T-90.

Về nhiều vấn đề khu vực và thế giới khác, hai nước có chung một lập trường. Thí dụ, chống xu hướng đơn phương trong chính sách đối ngoại của Mỹ, và coi Liên hợp quốc là diễn đàn thích hợp để bảo vệ an ninh và hòa bình thế giới. Sự hợp tác Nga-Ấn phát triển vững chắc trên cơ sở lợi ích chung về địa-chính trị ở Trung Á cũng như đối với nguy cơ đe dọa hai nước như chủ nghĩa khủng bố, khuynh hướng cực đoan tôn giáo, nạn buôn lậu vũ khí và ma túy, tội ác có tổ chức.

Quan hệ Trung-Ấn

Quan hệ song phương giữa Ấn Độ và Trung Quốc tồi tệ chưa từng thấy khi Ấn Độ thử vũ khí hạt nhân năm 1998. Sau vụ thử này, Thủ tướng Ấn Độ viết thư cho Tổng thống Mỹ biện minh cuộc thí nghiệm là để đối phó với nguy cơ từ Trung Quốc, một nước mà Ngoại trưởng Ấn Độ coi là mối đe dọa an ninh nước mình. Lúc đó Bắc Kinh phản ứng gay gắt, nhưng chẳng bao lâu, bang giao giữa hai nước được cải thiện rất nhanh. Năm 1999, Ngoại trưởng Ấn Độ thăm Trung Quốc, đánh dấu cuộc đối thoại cấp cao lại tiếp tục, hai bên tuyên bố không hề là mối đe dọa đối với nhau. Một cuộc đàm phán được bắt đầu, trong đó hai bên công khai bày tỏ và chia sẻ với nhau nỗi lo lắng về an ninh, quyết định đẩy nhanh việc phân định ranh giới.

Tháng 6/2003, Thủ tướng Ấn Độ A.B.Vaspayee thăm Bắc Kinh. Đây là cuộc

viếng thăm đầu tiên của Thủ tướng nước đó trong một thập kỷ. Tuyên bố chung được ký kết trong dịp này nói rõ Trung Quốc không phải là nguy cơ đối với Ấn Độ, hai bên cử đại diện đặc biệt để thúc đẩy cuộc thương lượng về biên giới đã kéo dài 25 năm. Cho tới nay, đã có bốn vòng đàm phán giữa các đại diện đặc biệt về tình hình tranh chấp biên giới. Trong khi cuộc thảo luận đang tiếp tục về vấn đề tập trận chung của không quân, thì hai bên quyết định tập trận chung về hải quân lần đầu tiên năm 2005. Bắc Kinh thừa nhận Sikkim là một bộ phận lãnh thổ Ấn Độ, đồng ý lập một trạm buôn bán dọc biên giới. Về phía mình, New Dehli công nhận chủ quyền của Trung Quốc ở Tây Tạng, cam kết không cho phép hoạt động “chống Trung Quốc” diễn ra ở nước mình.

Về thương mại, khối lượng buôn bán hai chiều tăng nhanh chóng từ 265 triệu đôla năm 1991 lên 3.596 triệu đôla, năm 2001, và vượt quá 10 tỉ đôla năm 2004. Các công ty Trung Quốc xuất sang Ấn Độ máy điện, đồ gia dụng, hàng điện tử và cơ khí, đáp ứng nhu cầu của thị trường hàng tiêu dùng. Hai nước đã xem xét khả năng ký một thỏa thuận hợp tác kinh tế toàn diện và một hiệp định thương mại tự do năm 2005.

Trung Quốc và Ấn Độ có quan điểm tương đồng về một số vấn đề quốc tế như: những cuộc không kích của Hoa Kỳ ở Iraq năm 1998 và ở Nam Tư năm 1999 là vi phạm chủ quyền hai nước đó và phá hoại quyền lực của Liên hợp quốc. Hai nước phản đối Hoa

Kỳ cùng các nước phát triển khác định gắn liền thương mại toàn cầu với tiêu chuẩn lao động và môi trường, như vậy đặt Ấn Độ và Trung Quốc vào thế bất lợi, kìm hãm sự phát triển kinh tế vốn là ưu tiên số một của hai nước.

Năm 2004, Trung Quốc và Ấn Độ tập trận chung ở ngoài khơi Thượng Hải, một dịp hợp tác quân sự mà cách đây vài năm không ai có thể nghĩ đến, chưa kể những đề nghị tập trận chung của lục quân.

Tuy nhiên, nếu nhìn vào tình hình quan hệ giữa Nga, Ấn Độ và Trung Quốc thì ý tưởng xây dựng “tam giác chiến lược” có nhiều triển vọng tốt đẹp, nhưng còn những trở lực khiến dự kiến đó khó dễ dàng thực hiện.

2. Những trở ngại ngăn cản sự hình thành “tam giác chiến lược”

Cả ba nước Nga, Trung Quốc, và Ấn Độ đều mong muốn xây dựng một tổ chức đối trọng với siêu cường độc nhất trên thế giới, nhưng có nhiều hạn chế ngăn cản sự tương đồng quan điểm phát triển thành một quan hệ đối tác ba bên.

Một cột trụ của quan hệ đối tác đó là quan hệ song phương Nga-Ấn, nhưng mối bang giao này không có nhiều hứa hẹn lắm. Cơ sở của quan hệ đối tác chiến lược giữa hai nước là tính chất và nội dung sự trao đổi qua lại về kinh tế và thương mại, nhưng buôn bán hai chiều đã giảm sút trong mấy năm qua. Tổng thống V. Putin coi ưu tiên số một của

ông là tăng cường kinh tế Nga, nhưng ông có vẻ ngả về phương Tây hơn. Nga và Ấn Độ không hợp tác chặt chẽ về năng lượng hạt nhân dân dụng và một số mặt khác của an ninh năng lượng vì nhiều cơ hội chưa được tận dụng.

Về phương diện quân sự, Ấn Độ nhận thấy Nga có quan hệ mật thiết với Trung Quốc. Nga là nước cung cấp thiết bị quân sự nhiều nhất cho Trung Quốc, nhờ đó mà phần lớn quân đội nước này được hiện đại hóa. Ngoài ra điều này đặt ra vấn đề an ninh gián tiếp cho Ấn Độ vì công nghệ và kỹ năng quân sự Nga có thể qua Ấn Độ chuyển sang Pakixtan. Trong khi đó, Ấn Độ thay đổi hướng mua sắm vũ khí, chú ý tới thị trường khác. Không kể quan hệ quốc phòng ngày càng tăng cường với Ixraen, thị trường vũ khí Hoa Kỳ dần dần mở cửa đón khách mua Ấn Độ. Gần đây, Ấn Độ đã nhận được máy bay chiến đấu F-16, máy bay vận tải C-130, máy bay trinh sát P-3C Orion, và hệ thống chống tên lửa Patriot.

Quan hệ Nga - Trung cũng chẳng phải không có trục trặc. Mặc dầu quan hệ giữa hai nước phát triển nhiều trong những năm gần đây, Nga vẫn lo ngại sự có mặt của Trung Quốc ở Đông Á và Đông Bắc Á, sự tràn ngập người Trung Quốc nhập cư vào vùng Viễn Đông của Nga, vì thế hai nước phải hết sức tránh một cuộc va chạm về địa-chính trị. Sự khác biệt về lợi ích chiến lược quốc gia cũng như về địa-chính trị đó khiến mọi người khó

đoán hai nước có thể duy trì chiều hướng tích cực trong quan hệ đến lúc nào.

Nguy cơ đe dọa quan hệ Nga - Trung còn là tình hình bất ổn định dọc biên giới hai nước và ở Trung Á. Nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa là khách hàng lớn nhất mua vũ khí thông thường của Nga, nhưng nhiều người Nga lo ngại rằng Trung Quốc có thể vì thế mà trở thành mối đe dọa an ninh tiềm tàng lớn hơn Hoa Kỳ. Mặc dầu Hiệp ước Nga-Trung ghi rõ hai bên từ bỏ yêu sách về lãnh thổ, nhưng Bắc Kinh vẫn có thể đòi xem xét lại biên giới hai nước. Trung Quốc đang muốn mua vũ khí của cả Liên minh Châu Âu để đa dạng hóa nguồn nhập khẩu hàng hóa quân sự.

Quan hệ Nga-Trung chịu ảnh hưởng bất lợi của sự đổ vỡ thỏa thuận năm 2001 về việc xây dựng đường ống dẫn dầu từ Nga sang Trung Quốc. Nếu hai bên đạt được thỏa thuận đó thì đường ống có thể được hoàn thành năm 2005, và cung cấp cho Trung Quốc mỗi năm 20 triệu tấn dầu từ năm 2010, và 30 triệu tấn sau đấy. Trong khi đó, Nhật Bản cũng chú ý đến trầm tích dầu khí ở miền đông nước Nga và vận động được Nga xây dựng ống dẫn dầu chạy men Trung Quốc đến biển Nhật Bản. Mặc dầu đối đầu lâu đời với Nhật Bản, Nga vẫn cải thiện quan hệ quân sự và kinh tế với nước này, chủ yếu để kiểm chế ảnh hưởng Trung Quốc. Ở miền đông nước Nga, dân chúng lo ngại khi thấy khách du lịch Trung Quốc đến đây ngày càng nhiều. Riêng mùa hè năm 2004 đã có 20 vạn người.

Cuối cùng, thương mại giữa Trung Quốc và Nga bắt đầu tăng, và Trung Quốc sẽ vẫn là một trong năm đối tác buôn bán lớn của Nga, nhưng khối lượng thương mại của hai bên không đáng kể so với doanh số một nghìn tỉ đôla của Trung Quốc năm 2004. Quan hệ giữa hai nước sẽ căng thẳng thêm trong những năm tới, khi các doanh nghiệp Nga bắt đầu thúc đẩy hoạt động khắp thế giới, cạnh tranh với đối thủ Trung Quốc. Mối ngờ vực của Nga đối với Trung Quốc bộc lộ rõ khi Moskva từ chối bán cho Bắc Kinh giấy phép chế tạo máy bay phản lực SU-27 và SU-30, để Trung Quốc vẫn phải phụ thuộc nguồn cung cấp từ Nga.

Nhưng mặt đáng chú ý nhất của quan hệ ba bên là bang giao Trung-Ấn. Bắc Kinh cố gắng duy trì sự cân bằng lực lượng ở Nam Á bằng cách ngăn cản Ấn Độ giành ưu thế đối với Pakixtan. Nhà cầm quyền Bắc Kinh trước sau vẫn giúp Pakixtan theo đuổi chương trình vũ khí hạt nhân và tên lửa đạn đạo để đối trọng với sự phát triển vũ khí mới của Ấn Độ. Sự ám ảnh của Pakixtan sẽ làm giảm khả năng cạnh tranh của New Dehli với Bắc Kinh ở khu vực và toàn cầu. Tuy Trung Quốc và Ấn Độ cùng lo ngại về hoạt động của chủ nghĩa Hồi giáo ở Tân Cương và Kashmir, nhưng Trung Quốc không sẵn lòng đoàn kết với Ấn Độ chống Pakixtan.

Sau vụ thử hạt nhân của Ấn Độ, chính Trung Quốc là nước phác thảo Nghị quyết 1172 của Liên hợp quốc lên án sự kiện đó. Bắc Kinh ngăn cản New Dehli gia nhập

WTO, không nhiệt tình ủng hộ Ấn Độ làm thành viên Tổ chức Hợp tác Thượng Hải, và tỏ ý không hài lòng về sự hiện diện quân sự của Ấn Độ ở Trung Á. Sự tăng trưởng kinh tế nhanh chóng khiến Trung Quốc có khả năng trở thành một cường quốc quân sự. Quân đội Trung Quốc hiện đại hóa là mối lo của Ấn Độ, vì chắc chắn nó sẽ trở thành lực lượng nổi trội nhất ở châu Á.

Công nghiệp Trung Quốc phát triển nhanh, vì thế ngày càng phụ thuộc vào nguồn dầu lửa nhập khẩu, nên nước này sẽ sử dụng sức mạnh quân sự để bảo vệ tàu chở dầu từ vịnh Persia vào lãnh thổ mình, sẽ tìm cách giành thế vượt trội về hải quân và không quân. Bước đầu tiên để giành đặc quyền về căn cứ quân sự ở Ấn Độ đương là giúp Myanmar xây dựng và cải tiến hải cảng tại hai đảo ở vịnh Bengal và biển Andaman, tạo điều kiện cho hải quân Trung Quốc dùng các cảng đó làm căn cứ tiền tiêu sau này. Hải quân Trung Quốc ở Ấn Độ đương được tăng cường đúng vào lúc sự phát triển hải quân của Ấn Độ chững lại, dẫn đến hậu quả nghiêm trọng là lợi thế địa lý truyền thống của Ấn Độ bị tổn hại do Trung Quốc dính líu sâu vào Myanmar. Hai nước lại chưa giải quyết được vụ tranh chấp 90.000 km² vùng Arunachal Pradesh, chưa kể mâu thuẫn còn tồn tại về vấn đề Tây Tạng. Việc mở con đường thông thương Nathula nối liền Tây Tạng với Sikkim cũng khó thực hiện vì Ấn Độ lo ngại an ninh của mình có thể bị Trung Quốc đe dọa.

Cho tới giờ, cuộc đàm phán biên giới chưa đem lại kết quả nào đáng kể. Chưa thấy tia sáng le lói cuối đường hầm khi Trung Quốc còn kiểm soát 35.000 km ở Aksai Chin tại khu vực phía tây và đòi khoảng 90.000 km² của vùng Arunachal Pradesh ở phía đông. Mặt khác, Trung Quốc coi quan hệ mật thiết giữa Ấn Độ và Mỹ là mưu toan Hoa Kỳ bao vây mình, nhất là khi nhìn thấy ảnh hưởng và sự hiện diện quân sự của Mỹ tại Trung Á và Nam Á sau sự kiện 11/9. Mặc dầu hai bên có lời lẽ tốt đẹp về một giai đoạn quan hệ mới, nhưng vấn đề giữa Ấn Độ và Trung Quốc còn phức tạp. Hai nước lớn đó ở châu Á đều có tham vọng toàn cầu. Thực tế địa-chính trị của châu lục này cho thấy Trung Quốc và Ấn Độ khó trở thành “anh em” trong tương lai gần.

Quan hệ song phương Nga-Ấn, Trung-Ấn, và Nga-Trung càng phức tạp thêm khi Mỹ có thể khai thác quan hệ với từng nước, đặc biệt sau sự kiện 11/9 lúc bang giao giữa Mỹ với mỗi nước đạt tầm cao mới. Một số nhà phân tích thậm chí nói rằng, rất có thể xuất hiện những mối liên kết mới trên chính trường thế giới. Nga, Trung Quốc, và Ấn Độ đều theo đuổi mục đích riêng khi giao hảo với Hoa Kỳ. Ba nước khó kết hợp với nhau xây dựng “tam giác chiến lược” khi bang giao giữa từng nước với Mỹ có chiều hướng tăng lên.

Diễn biến quốc tế sau sự kiện 11/9 đã thúc đẩy nước Mỹ chuyển trọng tâm chính sách an ninh quốc gia từ chỗ kiểm chế Trung

Quốc sang việc loại bỏ mạng lưới khủng bố xuyên quốc gia. Dấu hiệu rõ rệt của bang giao được cải thiện thời gian gần đây là cuộc tiếp xúc giữa quân đội hai bên được nối lại sau một thời gian gián đoạn khi một máy bay chiến đấu Trung Quốc va phải một máy bay trinh sát Mỹ ngoài khơi đảo Hải Nam tháng 4/2001. Bầu không khí toàn cầu thay đổi sau sự kiện 11/9 khiến Trung Quốc được Hoa Kỳ đưa ra khỏi danh sách các nước thù địch. Tuy nhiên, như thế không có nghĩa là Trung Quốc tán thành thái độ Nga làm ngơ trước chính sách của Mỹ về vấn đề phòng thủ tên lửa và Iraq, để mặc Trung Quốc một mình chống đối chính sách của Hoa Kỳ.

Trong khi Trung Quốc cảm thấy bị sự có mặt ngày càng tăng của phương Tây ở Trung Á đe dọa, lúc Hoa Kỳ thiết lập nhiều căn cứ quân sự trong khu vực, thì an ninh quốc gia của Nga có vẻ được tăng cường vì Nga đã giành được quyền kiểm soát các lĩnh vực then chốt tại đây như dầu lửa, khoáng sản và công nghiệp quốc phòng. Thật ra, Trung Quốc đang tìm cách xây dựng quan hệ gần gũi với Nga bằng cách nhấn mạnh sự phản kháng chung của hai nước đối với nhiều chủ trương của Hoa Kỳ, như theo đuổi chương trình BMD và coi thường các thỏa thuận đa phương. Nhưng sự nhất trí phản kháng đó đã yếu đi sau sự kiện 11/9, vì Bắc Kinh cho rằng mình hầu như bị Moskva cô lập khi người Nga tích cực tranh thủ Hoa Kỳ.

Sợ mình bị gạt khỏi môi trường an ninh quốc tế đang xuất hiện, Trung Quốc tỏ ra là

một nhân tố có trách nhiệm bằng cách đưa Bắc Triều Tiên trở lại bàn đàm phán. Dân dân, Trung Quốc sử dụng môi trường sau sự kiện 11/9 để xích gần Hoa Kỳ, ủng hộ nước đó chống chủ nghĩa khủng bố, hậu thuẫn cho hành động quân sự của Hoa Kỳ ở Apganixtan chống Taliban. Trong khi Pháp và Đức chống lại mạnh mẽ chính sách của Mỹ, thì Trung Quốc chỉ phản kháng qua loa hành động của người Mỹ tại Iraq như thường lệ. Ngoài việc dùng ảnh hưởng đối với Pakixtan để thúc đẩy nước này hợp tác tích cực hơn với Hoa Kỳ và chính phủ của Tổng thống Hamid Karzai ở Apganixtan, nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa còn đóng góp vào việc tái thiết quốc gia đó.

Tuy vậy, một cuộc va chạm đã xảy ra gần đây với Hoa Kỳ, khi thặng dư thương mại của Trung Quốc với nước đó lên đến gần 160 tỉ đôla. Trung Quốc bị tố cáo là cố tình giữ giá trị hối đoái của tiền tệ nước mình ở mức thấp, qua đó khiến hàng hóa của mình bán quá rẻ trên thị trường thế giới. Bắc Kinh đã bác bỏ đề nghị của chính phủ Washington ép thả nổi đồng tiền của mình. Ngoài ra, Lầu Năm góc còn cảnh giác trước lực lượng quân sự Trung Quốc tăng cường quá nhanh, e rằng Đài Loan sẽ bị tấn công trong vòng hai ba năm nữa. Nhưng Hoa Kỳ không muốn làm cho quan hệ với Trung Quốc mất ổn định lúc này vì sức mạnh kinh tế của nước này ngày càng tăng trên trường quốc tế, mặc dầu Bộ trưởng Quốc phòng Donald Rumsfeld đã công khai tố cáo Bắc Kinh tăng ngân sách quốc phòng lúc không bị nguy cơ quân sự

nào đe dọa, do đấy làm khu vực mất ổn định và gây ngờ vực về ý đồ sau này.

Ấn Độ là nước yếu nhất trong ba quốc gia nên thi hành chính sách đối ngoại trong nhiều giới hạn. Chẳng ai chối cãi Ấn Độ muốn củng cố quan hệ với Hoa Kỳ. Nhiều người ở hai nước tin rằng quan hệ sẽ mật thiết lâu dài vì lợi ích quốc gia tương đồng giữa hai bên, tuy họ có cảm giác Hoa Kỳ thiên về Pakixtan trong vấn đề khủng bố qua biên giới. Trong 5 năm qua, Ấn Độ rất cố gắng nâng cấp quan hệ song phương giữa hai bên, đã cùng Hoa Kỳ bàn bạc nhiều vấn đề như kiểm soát buôn bán vũ khí, cấm phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt, trao đổi văn hóa, hợp tác về kỹ thuật quân sự.

Tuy nhiên, phần lớn bang giao Mỹ-Ấn có liên quan đến Pakixtan, nhất là sau khi Mỹ thấy Pakixtan có tầm quan trọng chiến lược mới trong cuộc chiến tranh Apganixtan. Trong tình thế này, chính sách đối ngoại Ấn Độ hiện nay được nhằm tác động đến nhà cầm quyền Hoa Kỳ để họ có thái độ thuận lợi cho mình, thậm chí một số người nêu ý kiến liên kết với Hoa Kỳ để kiềm chế ảnh hưởng ngày càng tăng của Trung Quốc ở châu Á, mặc dầu phần lớn giới cầm quyền Ấn Độ không tán thành công khai bắt tay với Hoa Kỳ để kiềm chế Trung Quốc.

Người ta có thể đoán rằng một thời gian nữa, quan hệ giữa Ấn Độ và Hoa Kỳ sẽ chặt chẽ hơn khi Pakixtan không còn quan trọng lắm trong cuộc chiến chống khủng bố, và việc kiềm chế xu hướng tôn giáo chính thống

ở nước này trở thành một ưu tiên đối ngoại của Hoa Kỳ. Trong ba năm qua, Ấn Độ được Lầu Năm góc gọi là “một nước hữu nghị” giống nhiều quốc gia khác như Bungari, Braxin, Áo, Nam Phi, Phần Lan, Kuwait, mặc dầu Ấn Độ không gửi quân sang Irắc theo đề nghị của Mỹ.

Washington hy vọng New Dehli sẽ tham gia chương trình phòng thủ tên lửa. Hai bên đã ký hiệp ước NSSP (Những bước đi sắp tới trong Quan hệ đối tác chiến lược), tiếp theo là Hiệp ước Hạt nhân Mỹ-Ấn trong chuyến công du của Thủ tướng Ấn Độ đến Hoa Kỳ tháng 7/2005. Chính hiệp ước NSSP đã mở đường cho sự hợp tác Mỹ-Ấn về năng lượng hạt nhân dân dụng, chương trình nghiên cứu vũ trụ, trao đổi công nghệ cao, và phòng thủ tên lửa.

Những quan hệ được tăng cường như vậy giữa Nga, Trung Quốc, và Ấn Độ với Mỹ khiến ý tưởng xây dựng “tam giác chiến lược” trở thành phi hiện thực.

Kết luận

Khi Hoa Kỳ trở thành siêu cường độc nhất trên thế giới, nhiều người ở Nga, Trung Quốc, và Ấn Độ nghĩ rằng ba quốc gia lớn này nên kết hợp với nhau để đối trọng với nước Mỹ. Mấy năm gần đây, các quốc gia đó đã cố gắng thiết lập quan hệ hợp tác ba bên gọi là “tam giác chiến lược”. Tuy nhiên, tam giác đó khó hình thành do cơ cấu hiện nay của chính trường thế giới, khi quan hệ giữa ba nước không chặt chẽ bằng bang giao giữa mỗi nước với Hoa Kỳ.

Trong hơn một thập kỷ qua, cuộc tranh luận vẫn tiếp diễn về thế giới sau thời kỳ Chiến tranh lạnh. Tuy các học giả nói chung đều công nhận Hoa Kỳ là cường quốc vượt trội, nhưng cũng nhiều người tự hỏi nước Mỹ vượt xa các quốc gia khác đến thế nào và trong bao lâu nữa. Lại có người đặt câu hỏi liệu Hoa Kỳ có vượt trội về tất cả các mặt không. Christopher Layne² nói rằng: Sau thắng lợi của Hoa Kỳ trong Chiến tranh lạnh, thế giới đã trở thành “đơn cực”, nhưng các quốc gia khác cuối cùng sẽ cân bằng lại với nước đó. William Wohlforth thì cho rằng, thế giới rõ ràng là đơn cực, nhưng nó sẽ hòa bình và bền vững, vì chẳng quốc gia nào ngày nay có thể thách thức Hoa Kỳ ở bất cứ lĩnh vực nào – quân sự, kinh tế, văn hóa và công nghệ – và do vị trí địa lý đặc biệt của nó nên các quốc gia khác khó đối trọng với nó.

Ý kiến của Wohlforth dựa trên sự khẳng định vị trí “siêu cường toàn cầu về tất cả các mặt” của Hoa Kỳ. Huntington³ nghĩ hơi khác, ông cho rằng thế giới ngày nay vừa “đơn cực” vừa “đa cực”, trong đó siêu cường độc nhất cùng tồn tại với nhiều nước lớn, và sẽ trở thành đa cực ở những năm tới.

Tuy các cách nhìn dù không giống nhau, mọi người đều thừa nhận một thực tế rằng Hoa Kỳ hiện nay là cường quốc vượt trội hẳn, và mặc dầu có sự chênh lệch về sức mạnh đó, cuộc tranh cãi gần đây về Irắc cho thấy phần lớn các nước lớn không đồng tình

với người Mỹ về những vấn đề lớn và cách giải quyết những vấn đề đó.

Cơ cấu thế giới hiện nay tạo cho Hoa Kỳ lợi thế vô cùng to lớn khi giao dịch với nước khác. Nga, Trung Quốc, và Ấn Độ muốn kết hợp với nhau để cân bằng với nó, nhưng ba nước còn ngờ vực nhau. Do vai trò quan trọng của Mỹ đối với trật tự kinh tế và chính trị toàn cầu, Nga không muốn thắt chặt quan hệ với Trung Quốc, vì thấy giao hảo với Hoa Kỳ có lợi hơn. Trung Quốc cũng thấy thu được nhiều lợi trong quan hệ với Mỹ trong khi nước Nga suy yếu và Ấn Độ kinh tế kém cỏi không hứa hẹn gì nhiều. Ấn Độ, vừa lo sợ Trung Quốc vừa không lạc quan nhiều lắm về triển vọng của Nga, có đủ lý do để thi hành một chính sách đối ngoại xích gần Hoa Kỳ. Sự phân bố chênh lệch về sức mạnh hiện nay trên thế giới, và tầm quan trọng của việc giao hảo với Hoa Kỳ trong chính sách đối ngoại của từng nước, khiến “tam giác chiến lược” không thể được thực hiện.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Foreign Affairs, vol.18, no. 2, 1999.
2. The Financial Times, 2 February 2002.
3. Washington Post, 22 November 2002
4. New York Times, 13 February 2005.
5. International Security, vol.25, no 1, 2000.

² Layne Christopher, *International Security*, vol.17, no.4.

³ Huntington Samuel, *Foreign Affairs*, vol.18, no 2.